



CK.0000072686



2



**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VÀ KỸ NĂNG ÁP DỤNG
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

DÀNH CHO THẨM PHÁN, THẨM TRA VIÊN, HỘI THẨM,
KIỂM SÁT VIÊN, LUẬT SƯ, CÁC HỌC VIÊN TƯ PHÁP

UYÊN
LIÊU



NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ
VÀ KỸ NĂNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ**

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ
TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VÀ
KỸ NĂNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT HÌNH SỰ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong tố tụng hình sự thì hoạt động nghiên cứu, đánh giá chứng cứ có vai trò rất quan trọng, đây là những hoạt động trọng tâm của tố tụng hình sự. Bởi lẽ tất cả các hoạt động tố tụng hình sự ở giai đoạn điều tra , truy tố, xét xử xét cho cùng đều phải đi đến kết luận về giá trị chứng minh của chứng cứ trên cơ sở đó mới có thể chứng minh một tội phạm nào đó đã được thực hiện và ai là người đã thực hiện tội phạm đó.

Vấn đề nghiên cứu, đánh giá chứng cứ tuy không được quy định cụ thể thành một quy trình trong Bộ luật Tố tụng hình sự nhưng về pháp lý thì tất cả các hoạt động tố tụng hình sự bao gồm cả hoạt động nghiên cứu, đánh giá chứng cứ thực chất là để chứng minh tội phạm và xử lý người phạm tội theo những tội danh được quy định cụ thể trong Bộ luật Hình sự.

Việc nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, đánh giá chứng cứ trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự của các cơ quan tiến hành tố tụng hình sự và những người tiến hành tố tụng hình sự nói chung trong điều kiện hiện nay là có ý nghĩa thiết thực, nhằm góp phần tăng cường pháp chế, bảo đảm xử lý đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội, không để lọt người, lọt tội và xử lý triệt để, nghiêm minh đối với mọi hành vi phạm tội.

Với tinh thần đó nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tìm hiểu, nghiên cứu và áp dụng pháp luật hình sự của bạn đọc nói chung, của những người làm công tác pháp luật nói riêng, góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu, đánh giá chứng cứ trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử vụ án hình sự, Nhà xuất bản Hồng Đức cho xuất bản cuốn sách "*Phương pháp nghiên cứu đánh giá chứng cứ trong tố tụng hình sự và kỹ năng áp dụng pháp luật hình sự*" do tác giả Nguyễn Ngọc Duy là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác giải quyết án hình sự biên soạn.

Điểm đáng chú ý của cuốn sách này là phương pháp biên soạn mới, được bố cục hợp lý sẽ giúp bạn đọc nâng cao được kỹ năng nghiên cứu, đánh giá chứng cứ và có thể ứng dụng trong thực tiễn một cách hiệu quả .

Do đây là lĩnh vực khó và phức tạp, nên mặc dù tác giả đã có nhiều cố gắng nhưng chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, mong nhận được sự góp ý và phê bình của bạn đọc.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

PHẦN I

PHƯƠNG PHÁP, KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ CHỨNG CỨ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

MỤC I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHỨNG CỨ

I. KHÁI QUÁT VỀ CHỨNG CỨ

1- Chứng cứ và đặc điểm của chứng cứ

a) Khái niệm.

Chứng cứ là những gì có thật, được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự (Sau đây viết là Bộ luật TTHS) quy định mà cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án dùng làm căn cứ để xác định có hay không có hành vi phạm tội, người thực hiện hành vi phạm tội cũng như những tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án (Khoản 1 Điều 64 Bộ luật TTHS).

b) Đặc điểm của chứng cứ.

Từ khái niệm trên cho thấy chứng cứ có những đặc điểm cơ bản sau đây:

- *Thứ nhất:* Chứng cứ phải là những gì có thật.

Nghĩa là trước hết chứng cứ phải là những sự vật đang tồn tại hoặc để lại dấu vết về sự tồn tại của nó (Ví dụ: Một chiếc áo có dính máu thu giữ được tại hiện trường vụ án).

Chứng cứ cũng có thể là các hiện tượng khách quan đã hoặc đang xảy ra mà không phụ thuộc vào ý muốn chủ quan của bất kỳ ai (Chẳng hạn quá trình theo dõi đối tượng tình nghi cơ quan điều tra phát hiện đối tượng có những dấu hiệu bất thường về thời gian sinh hoạt. Những dấu hiệu bất thường đó chính là hiện tượng khách quan).

Nói một cách khác sự vật, hiện tượng phải có thể xác định được là nó đã hoặc đang tồn tại hay đã hoặc đang xảy ra. Nghĩa là sự vật hiện tượng có thể xác định được bằng việc có thể kiểm chứng được và kết quả của việc kiểm chứng đó là phù hợp hay không. Chỉ khi sự vật, hiện tượng có thể xác thực được thì mới có cơ sở kết luận nó là có thật.

Đồng thời sự vật, hiện tượng phải tồn tại một cách khách quan không phụ thuộc vào ý chí chủ quan của con người, thì mới được coi là có thật.

Việc tạo ra sự vật, hiện tượng giả mạo hoặc do trí tưởng tượng của con người nghĩ ra thì không thể coi là chúng có thật và do đó chúng không thể là chứng cứ.

Việc tạo ra sự vật, hiện tượng giả mạo hoặc do trí tưởng tượng của con người nghĩ ra thì không thể coi là chúng có thật và do đó chúng không thể là chứng cứ.

- *Thứ hai:* Sự vật, hiện tượng nói trên phải được thu thập theo trình tự do Bộ luật TTHS quy định. Về pháp lý để được coi là chứng cứ thì sự vật, hiện tượng dù có thật nhưng nếu không được thu thập theo đúng các quy định của Bộ luật TTHS thì vẫn không được coi là chứng cứ. Nghĩa là sự vật, hiện tượng đó không được thu thập theo trình tự, thủ tục do Bộ luật TTHS quy định thì nó không có giá trị pháp lý (Thiếu tính hợp pháp) và vì vậy nó không có giá trị chứng minh nên vì thế nó cũng không được coi là chứng cứ.

Việc phải tuân theo quy định của Bộ luật TTHS khi thu thập chứng cứ là nhằm bảo đảm tính hợp pháp của chứng cứ và cho phép loại trừ các yếu tố làm sai lệch hoặc ngụy tạo chứng cứ, cũng như bảo đảm giá trị chứng minh của chứng cứ.

Cần lưu ý : Tính hợp pháp của chứng cứ (Là việc nó được thu thập theo đúng thủ tục luật định hay không) mang tính quyết định đối với giá trị chứng minh của chứng cứ, bởi lẽ cho dù chứng cứ có bảo đảm tính khách quan thì cũng không thể được (Không được phép) sử dụng để làm căn cứ kết luận về các vấn đề cần chứng minh của vụ án nếu nó bị coi là bất hợp pháp.

Ví dụ: Khi điều tra vụ án giết người khi phát hiện chiếc áo có dính máu là vật chứng thu được tại hiện trường nhưng cơ quan điều tra lại không lập biên bản thu giữ. Trong trường hợp này chiếc áo đó chưa được coi là vật chứng, tức nó không phải là chứng cứ nếu xét về pháp lý và vì vậy nó không được sử dụng để là căn cứ giải quyết vụ án vì nó chưa bảo đảm tính hợp pháp.

- *Thứ ba*: Được cơ quan tiến hành tố tụng (Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án) dùng làm căn cứ để xác định các vấn đề sau:

+ Có hay không có hành vi phạm tội ?

+ Ai là người thực hiện hành vi phạm tội đó ?

+ Xác định các tình tiết khác cần thiết cho việc giải quyết đúng đắn vụ án (Như các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự...).

Như vậy để được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng thì trước tiên chứng cứ phải bảo đảm hai đặc điểm cơ bản như phân tích ở trên. Nói một cách khác thì chỉ khi nào chứng cứ phải là những gì có thật và được thu thập đúng quy định của Bộ luật TTHS thì mới được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng. Tuy nhiên thực tế không loại trừ trường hợp ngay cả khi sự vật, hiện tượng hoàn toàn là có thật và đã được thu thập một cách hợp pháp nhưng nó không được các cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng để chứng minh một vấn đề nào đó (Thường là do chúng bị coi là không có giá trị chứng minh) thì chúng cũng không phải là chứng cứ.

2. Các đặc tính của chứng cứ

Chứng cứ có 3 đặc tính sau đây:

a) Chứng cứ có tính hợp pháp.

Đây là một đặc tính cơ bản của chứng cứ, bởi lẽ chỉ có sự vật, hiện tượng nào được thu thập đúng trình tự luật định thì mới bảo đảm được tính hợp pháp và mới được coi là chứng cứ. Mặt khác việc thu thập đúng trình tự luật định mới bảo đảm được tính khách quan của chứng cứ cũng như bảo đảm tính xác thực của chứng cứ.

Lưu ý: Khi nghiên cứu tính hợp pháp của chứng cứ cần nghiên cứu các qui định pháp luật tương ứng để có các cơ sở đối chiếu, xem xét tính hợp pháp của chứng cứ. Việc nghiên cứu này yêu cầu phải tập hợp đầy đủ văn bản qui phạm pháp luật có liên quan và nghiên cứu đầy đủ, chính xác các qui định đó.

b) Chứng cứ có tính liên quan.

Sự liên quan của chứng cứ đến vụ án hình sự thể hiện ở chỗ nó chứa đựng các thông tin về vụ án, các thông tin này phản ánh được diễn biến của vụ án cũng như các tình tiết

của vụ án và vì vậy nó được dùng làm căn cứ chứng minh các vấn đề cần chứng minh trong vụ án hình sự.

c) Chứng cứ có tính xác thực.

Bất kỳ sự vật, hiện tượng nào mà không thể kiểm chứng được về sự tồn tại của nó (Tức không thể xác thực được về sự tồn tại của nó) thì nó không được coi là có thật. Chỉ thông qua việc xác thực về sự tồn tại của sự vật hoặc hiện tượng thì mới có thể đi đến kết luận sự vật hoặc hiện tượng là có thật hay không. Do đó trong mọi trường hợp chứng cứ phải được xác thực thì mới có giá trị. Vì vậy tính xác thực là một đặc tính phải có của chứng cứ.

3- Phân loại chứng cứ

Trong khoa học luật tố tụng hình sự chứng cứ được chia ra làm hai loại cơ bản đó là:

a) Chứng cứ trực tiếp và chứng cứ gián tiếp:

- *Chứng cứ trực tiếp*: Là chứng cứ giúp xác định được các tình tiết là đối tượng chứng minh của vụ án.

Ví dụ: Lời khai của người bị hại về hành vi lừa đảo của tên X. Đây là chứng cứ trực tiếp vì nó cho phép xác định đối tượng chứng minh là: có hành vi lừa đảo xảy ra và người thực hiện hành vi đó là tên X.

- *Chứng cứ gián tiếp*: Là chứng cứ không trực tiếp xác định được các tình tiết là đối tượng chứng minh nhưng được kết hợp với các sự vật, hiện tượng khác thì xác định được các tình tiết là đối tượng chứng minh của vụ án.

Ví dụ: Một nhân chứng nhìn thấy tên A có mặt tại hiện trường trước lúc xảy ra vụ án giết người (Tuy không nhìn thấy việc giết người), kết hợp với dấu vân tay để lại trên hung khí thu được tại hiện trường, cơ quan điều tra đi đến kết luận được A có phải là người thực hiện hay không.

b) Chứng cứ gốc và chứng cứ sao chép, thuật lại:

- *Chứng cứ gốc*: Là chứng cứ chưa qua sao chép, thuật lại.

Ví dụ: Lá thư tổng tiền (bản chính) được cơ quan điều tra thu giữ do bị hại cung cấp.

- *Chứng cứ sao chép lại, thuật lại*: Là chứng cứ đã qua khâu trung gian, phản ánh lại chứng cứ gốc (Như qua việc sao chép lại, chụp lại, kể lại...).

Ví dụ: Bản photocopy của lá thư tổng tiền do cơ quan điều tra thu giữ.

Ngoài ra tại Thông tư liên tịch số 01/2010/TTLT-VKSNDTC-BCA-TANDTC ngày 27-8-2010 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ công an, Tòa án nhân dân tối cao còn quy định một số khái niệm pháp lý về chứng cứ như sau:

- Chứng cứ để chứng minh có hành vi phạm tội xảy ra hay không là chứng cứ để xác định hành vi xảy ra đó có đủ yếu tố của cấu thành tội phạm cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự hay thuộc các trường hợp không phải là hành vi phạm tội (Phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết, sự kiện bất ngờ, quan hệ dân sự, quan hệ kinh tế, vi phạm hành chính...).